

## PHẨM 9: NHẬP BẤT NHỊ PHÁP MÔN

Một đường thanh tịnh cho nên gọi là Bất nhị; rốt ráo chân thật, đáng làm quy tắc, cho nên gọi là pháp; chí diệu rộng rang nên gọi là môn; liễu ngộ được lý này thì gọi là vào (nhập). Đó là chỉ thú của tất cả các giáo, là chỗ sâu xa của chư Thánh, là bản ý của việc ngài Tịnh Danh hiện bệnh, là nguyên do để ngài Văn-thù đến thăm bệnh. Vì sao? Vì thể hội được lý Bất nhị thì có quán Bất nhị, do quán Bất nhị mà có thể thích ứng giáo hóa vô cùng, giáo hóa vô cùng khiến cho tất cả trở về con đường này. Cho nên kinh Pháp Hoa ghi: “Niết-bàn rốt ráo tướng thường vắng lặng, cùng trở về không không tức là lý Bất nhị”, cho nên đó là chỗ nương của sáu đường, mà chư thánh cũng thăm hội nơi đây.

Hỏi: Bất nhị đã là gốc của lý vì sao chẳng nói đầu tiên?

Đáp: Từ đầu kinh đến đây, các pháp được nói ra đều là khiến cho người ngộ Bất nhị, đó là nhân giáo thông lý, lại muốn nhờ nơi Bất nhị này mà khởi dụng nhị, cho nên có phẩm Hương Tích, tức nhân lý mà lập giáo, vì từ hai bên mà nói, tức nhiếp dụng về bản, từ thế khởi dụng, cho nên không nói ở đầu kinh. Toàn phẩm được chia làm hai phần:

1. Nói về việc vào pháp môn Bất nhị.
2. Ngộ pháp môn Bất nhị.
  - Về nhập pháp môn Bất nhị có ba phần:
    1. Ngài Tịnh Danh khiến đại chúng thuyết.
    2. Đại chúng thỉnh Bồ-tát Văn-thù thuyết.
    3. Ngài Văn-thù thỉnh Cư sĩ Duy-ma-cật thuyết.

Ba môn nói về Bất nhị thì trong huyền nghĩa đã giải thích đầy đủ. Đầu tiên các Bồ-tát đều bật nơi nhị để luận Bất nhị mà chưa luận đến lý Bất nhị vô ngôn, kể đến ngài Văn-thù luận đến lý Bất nhị vô ngôn mà còn có ngôn từ nơi Bất nhị. Sau cùng ngài Tịnh Danh im lặng để hiển lý Bất nhị vô ngôn mà có thể vô ngôn nơi Bất nhị. Đó là nêu lên thứ tự từ cạn đến sâu, ba môn có thứ bậc, mà lý Bất nhị được luận đến lại không có sâu cạn.

Lúc bấy giờ, Cư sĩ Duy-ma-cật nói với các vị Bồ-tát rằng: “Thưa các nhân giả! Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn Bất nhị? Mỗi vị hãy tùy theo ý mình thích mà nói ra!”: Sở dĩ ngài Tịnh Danh không tự nói ra mà mời các Bồ-tát nói, là vì ở trên, khách chủ hỏi đáp đã hiển được công đức của hai bên rồi, nay lại muốn hiển công đức của các Bồ-tát, cho nên bảo mỗi mỗi hãy nêu ra. Vả lại, người học khai tâm có giai vị, chỗ ngộ chẳng đồng, hoặc quán sinh diệt để nhập chân, hoặc nhân nơi hữu vô

mà đạt được tịch diệt, đường tuy khác mà việc hội đạo thì chẳng khác, cho nên mới nắm lấy chỗ đồng của các Bồ-tát mà ấn chứng cho yếu chỉ của kinh này.

Trong hội có một vị Bồ-tát tên là Pháp Tự Tại nói rằng: “Các nhân giả! Sinh diệt là hai, pháp vốn chẳng sinh thì nay chẳng diệt, đạt được Vô sinh pháp nhẫn này là vào pháp môn Bất nhị.”:

Đây là ý thứ hai vâng mệnh tuyên thuyết. Chẳng sinh chẳng diệt gồm ba nghĩa:

1. Không có tánh thật sinh diệt, cho nên nói chẳng sinh chẳng diệt, đây là vô sinh diệt của thế đế môn.

2. Nhân duyên sinh diệt tức chẳng sinh chẳng diệt, là vô sinh diệt của môn chân đế.

3. Vì thế đế hữu cho nên có sinh, chân đế vô cho nên gọi là diệt, chẳng chân chẳng tục, tức thật lý, gọi là chẳng sinh diệt.

Nay theo ý kinh thì thuộc về nghĩa thứ ba. Đây chẳng phải là chân tục, là lý Bất nhị, nhân ngộ lý này, được quán Bất nhị tức là Vô sinh nhẫn, nên gọi là vào (nhập).

Bồ-tát Đức Thủ nói: “Ngã và ngã sở là hai, nhân có ngã nên có ngã sở, nếu không có ngã thì không có ngã sở, đó là vào pháp môn Bất nhị.”: Ngã ngã sở cũng có hai:

1. Chấp tánh thật ngã và ngã sở, như ngoại đạo...,

2. Nhân duyên giả danh ngã và ngã sở.

Nay không có hai loại ngã và ngã sở này nên gọi là môn Bất nhị.

Bồ-tát Bất Thuần nói. Bất thuần (không nháy) có ba nghĩa:

1. Như Thiên nhãn, Thiên nhãn không nháy. Kinh Niết-bàn ghi: “Cho đến chuyển luân vương, mắt còn có nháy, cho nên khác với thiên đế”.

2. Ái kính thân Phật, chăm chú nhìn mà không nháy.

3. Tâm không còn trần cấu, tuệ nhãn thường mở.

Thọ và chẳng thọ là hai: Thứ nhất thì căn cứ theo nhân, phạm phu đắm nhiễm gọi là thọ, bậc Thánh không chấp thủ nên gọi là chẳng thọ. Thứ hai căn cứ theo quả, năm ấm hữu lậu gọi là thọ, vô lậu gọi là chẳng thọ. Thứ ba căn cứ theo chín chẳng thọ còn có hai như Tỳ-đàm đã thuyết. Nay căn cứ theo môn đầu.

Nếu pháp chẳng thọ thì bất khả đắc, vì bất khả đắc cho nên không thủ, không xả, không tạo tác, không làm, đó là vào pháp môn Bất nhị: Nếu pháp chẳng thọ, nghĩa là tâm không chấp trước. Vì nhân có thọ

cho nên có không thọ, đã không có thọ, cũng không có chẳng thọ cho nên nói là bất khả đắc. Xưa chẳng thấy có thọ để chấp thủ, nay cũng không thấy để xả bỏ, nên nói không thủ không xả. Chẳng tạo nghiệp sinh diệt, nên nói là không tạo tác, không tạo tác cho nên duyên sinh tử đoạn dứt, duyên sinh tử đoạn dứt thì chánh quán cũng quên, cho nên nói là chẳng làm. Đến câu này thì có ba chuyển ý. Bồ-tát Đức Đảnh nói: “Cấu và tịnh là hai, thấy được thật tánh của cấu thì không có tướng tịnh, thuận theo tướng diệt, đó là vào pháp môn Bất nhị.” Bồ-tát Thiện Túc nói: “Động và niệm là hai, chẳng động thì không niệm, không niệm thì không phân biệt, thông đạt được lý này là vào pháp môn Bất nhị.” Tâm mê hoặc khởi một cách vi tế gọi là động, thủ tướng chấp trước sâu nặng gọi là niệm, trước sau là chấp dị. Nay bắt hai loại này thì gọi là Bất nhị.

Bồ-tát Thiện Nhân nói: “Nhất tướng và vô tướng là hai, nếu biết nhất tướng tức vô tướng cũng chẳng chấp thủ vô tướng, nhập vào bình đẳng, đó là vào pháp môn Bất nhị.”: Nhất tướng là pháp hữu vi, vô tướng là pháp không. Như cây trụ có tướng tròn, không có tướng tròn gọi là vô tướng. Vả lại không là nhất tướng, pháp không cũng không cho nên gọi là vô tướng. Nay bắt cả hai.

Bồ-tát Diệu Tý nói: “Tâm Bồ-tát và tâm Thanh văn là hai, quán tâm tướng đều không, như huyền hóa, không có tâm Bồ-tát không có tâm Thanh văn là vào pháp môn Bất nhị.”: Do ở quá khứ hành bố thí, được quả báo từ tay có thể tuôn ra báu vật nhiều vô tận như bốn dòng sông, cho nên gọi là Diệu Tý. Hoặc cho rằng tâm Thanh văn chỉ có thiện, còn tâm Bồ-tát gồm cả việc tế độ, cho nên nay đều dứt bắt cả hai, tâm vốn tánh không chưa từng là Đại Tiểu.

Bồ-tát Phát-sa nói: “Thiện và bất thiện là hai, nếu chẳng khởi thiện và bất thiện, vào mé vô tướng mà thông đạt được, tức là vào pháp môn Bất nhị: Trong hai mươi tám ngôi sao thì sao quỷ gọi là Phát-sa, vị Bồ-tát này khi sinh ra liền gặp sao này, cho nên lấy đó đặt tên. Mười thiện là thiện, mười bất thiện là bất thiện. Nếu thế phàm phu khởi mười thiện cho đến Phật đều là thiện, còn ngoài ra đều là bất thiện, đây là gom nhiếp tất cả pháp. Vả lại thuận đạo xuất thế là thiện tức bậc thánh tam thừa; trái với đạo xuất thế tức là bất thiện, tức ba tánh phàm phu đều là bất thiện. Cầu Tiểu thừa là bất thiện, cầu Đại thừa là thiện. Cầu Tiểu Đại là hai cũng là bất thiện, chẳng hai là thiện, nay tức căn cứ theo nghĩa thứ nhất.”

Bồ-tát Sư Tử nói: “Tội và phước là hai, nếu đạt được tánh tội thì

không khác phước, dùng tuệ kim cương quyết định tướng không buộc không thoát, tức vào pháp môn Bất nhị”: Tội phước và thiện bất thiện khác nhau, tức thể là một mà nghĩa thì khác. Tổn hại và lợi ích là ác và thiện, chiêu báo là thiện ác, phước tội phần nhiều căn cứ theo quả, như hành việc thiện thì được quả báo giàu có, gọi là phước, tạo ác, cảm quả xấu thì gọi là tội. Tuệ kim cương, kim cương ở thế gian nếu động từ đỉnh núi xuyên đồng bằng đều thẳng qua mà không bị ngăn ngại, đến mé kim cương mới dừng lại. Thật tướng tuệ đặt ở đỉnh núi phước xuyên qua trình nguyên tội thì đều thẳng suốt qua mà không ngăn ngại, đến nơi pháp tánh, đồng tánh không tội phước mới dừng trụ.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói: “Hữu lậu vô lậu là hai, nếu đạt được các pháp bình đẳng thì chẳng khởi tướng lậu vô lậu, chẳng chấp nơi tướng, cũng chẳng chấp vô tướng, đó là vào pháp môn Bất nhị.”: Sư tử qua sông, thì cắt dòng thẳng qua, chẳng đi quanh co. Bậc Đại sĩ dùng trí tuệ thật tướng thâm nhập các pháp, thẳng qua bờ kia, cho nên mượn đó làm tên. Lại luận rằng hoặc dùng tâm trái với lý mà chấp thủ tướng là hữu lậu, không như thế thì vô lậu. Nay thấu rõ được hai và chẳng hai này thì gọi là vào pháp môn Bất nhị.”

Bồ-tát Tịnh Giải nói: “Hữu vi vô vi là hai, lìa tất cả số lượng thì tâm như hư không, được tuệ thanh tịnh không ngăn ngại, đó là vào pháp môn Bất nhị.”: Hữu vi vô vi, vi tức là làm, ngoài pháp có bốn tướng riêng có thể làm ra pháp cho nên gọi là vi, vì pháp có “vi” này cho nên gọi là hữu vi. Pháp thường thì không làm, cho nên gọi là vô vi, hữu vi và vô vi đối đãi nhau. Kế đến nói tức pháp bốn tướng, như tức là pháp, khởi là sinh, cho nên gọi là vi, tức ngay nơi pháp có vi này, mà chẳng phải là ngoài pháp có vi này. Như không pháp, tức pháp không có vi này, chẳng phải ngoài pháp không có vi này. Trước là nghĩa của Tỳ-đàm, sau là nghĩa của Thành Thật, hai kiến này cũng Bất nhị.

Bồ-tát Na-la-diên nói: “Thế gian và xuất thế gian là hai, thế gian tánh không tức là xuất thế gian, trong đó chẳng nhập chẳng xuất, chẳng đầy chẳng vơi, đó là vào pháp môn Bất nhị.”: Trước kiến đạo gọi là thế gian, đã kiến đạo gọi là xuất thế gian. Vả lại từ phàm đến Thánh có tâm chấp tướng là thế gian, không có tâm chấp tướng là xuất thế gian. Ngài La-thập nói: “Thế gian tức ba cõi, xuất thế gian tức các đạo phẩm vô lậu hữu vi.” Chẳng nhập chẳng xuất nghĩa là không vào sinh tử gọi là chẳng nhập thế gian, không xuất sinh tử gọi là chẳng xuất thế gian. Có nhập thì có xuất, có xuất ắt có đầy, có đầy ắt có vơi, đây là việc thường tình trong thế tục.

Bồ-tát Thiện Ý nói: “Sinh tử Niết-bàn là hai, nếu thấy được tánh của sinh tử, thì không sinh tử, không buộc không thoát, không sinh không diệt, người hiểu được như thế là vào pháp môn Bất nhị.”: Trên là nói về vi và vô vi để tổng quát về Niết-bàn, nhưng Niết-bàn là pháp thù thắng trong ba vô vi, cho nên nói riêng. Hơn nữa vi và vô vi phần lớn là nói về Niết-bàn của Tiểu thừa, còn Niết-bàn Đại thừa chẳng phải vi hay vô vi, cho nên được nói riêng.

Bồ-tát Thiện Kiến nói: “Tận và bất tận là hai.”: Có người cho rằng quên dứt là tận, chân thật thường trụ gọi là bất tận. Ngài La-thập nói: “Vô thường là môn đầu tiên của không, phá pháp chưa hết, cho nên gọi là bất tận. Rốt ráo không thì phá pháp đã hết, cho nên gọi là tận.” Ngài Tăng Triệu nói: “Pháp hữu vi hư giả là vô thường, cho nên gọi là tận; đạo thật tướng vô vi thì thường trụ, cho nên bất tận”.

“Các pháp rốt ráo tận hay bất tận đều là tướng vô tận, tướng vô tận tức là không, không thì không có tướng tận hay bất tận, như thế tức là vào pháp môn nhị.”: Căn cứ theo trước mà giải thích, rốt ráo tận là lặp lại nghĩa tận ở trên, để phân biệt với nghĩa tận của sinh diệt vô thường, cho nên gọi là rốt ráo. Bất tận là lặp lại nghĩa bất tận ở trước tức là chân thường. Điều vô tận, hai nghĩa trước đều là không, lý không thường trụ cho nên nói vô tận. Lý không cũng không có pháp để trừ, cho nên cũng gọi là vô tận. Theo ngài Tăng Triệu giải thích thì nếu cho tận là tận, bất tận là bất tận, thì đều là nhị (hai). Nếu có thể ngộ được tận và bất tận là tướng vô tận, thì vào pháp môn Bất nhị nhất không.

Bồ-tát Phổ Thủ nói: “Ngã và vô ngã là hai, ngã còn không thể có, thì vô ngã há lại có sao? Thấy được thật tướng của ngã lại chẳng khởi hai tướng thì đó là vào pháp môn Bất nhị.”: Được vạn thiện mà giữ gìn gọi là phổ, được các Thánh bảo hộ gọi là thủ.

Bồ-tát Điện Thiên nói: “Minh và vô minh là hai. Thật tánh của vô minh là minh, minh cũng chẳng thể chấp thủ, là tất cả số lượng, mà trong đó bình đẳng Bất nhị, là vào pháp môn Bất nhị.”: Các sư Thập Địa luận nói: “Chân vọng đồng thể, hội vọng thành chân, cho nên gọi là Bất nhị. Như nước xao động mà thành sóng, sóng và nước đồng một thể, nếu sóng lặng yên tức trở về nước, thì gọi là Bất nhị.” Nay thì cho rằng chẳng phải như thế. Văn kinh ghi: “Minh cũng không thể chấp thủ” thì biết cả hai đều xả bỏ, chẳng phải hội mà thành. Nếu liền ngộ thật tánh của vô minh tức là minh, cho nên gọi là Bất nhị. Nếu thấy minh là minh liền thành vô minh, cho nên biết cũng chẳng nên chấp thủ minh.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói: “Sắc không là hai. Sắc tức là không, chẳng

phải sắc diệt rồi mới có không, tánh sắc tự không; thọ tướng hành thức cũng như thế. Thức và không là hai, thức tức là không, chẳng phải diệt thức mới thành không, tánh của thức tự không; nếu thông đạt như thế là vào pháp môn Bất nhị.”: Nói không sắc Bất nhị nghĩa là không nói chẳng không chẳng sắc là Bất nhị, mà chỉ nói không và sắc chẳng có hai thể, cho nên mới Bất nhị. Sắc tức là không, tức là nêu lên sắc không Bất nhị của Đại thừa. Nói “chẳng phải diệt sắc rồi mới có không” là để phân biệt với kiến giải của phàm phu. Phàm phu không thông đạt, cho rằng sắc hoại diệt rồi, sau đó mới không cho nên nay nói rõ chẳng phải sắc diệt, sau đó mới là không. Nói tánh sắc tự không là để phân biệt với nghĩa của Tiểu thừa, như lửa nước tự tánh không, chẳng thể dùng bốn vi trần phân tích lửa nước, rồi sau đó mới được không.

Bồ-tát Minh Tướng nói: “Tứ chủng dị và không chủng dị là hai, tánh của bốn chủng tức là tánh của hư không, như mé trước mé sau không cho nên ở giữa cũng không. Nếu có thể biết tánh của các chủng như thế, là vào pháp môn Bất nhị.”: Bốn chủng tức bốn đại, không chủng tức không đại. Năm pháp này có lực dụng rất lớn cho nên gọi là đại, đó là nhân để tạo thành chúng sinh nên gọi là chủng. Lại năm việc này chủng loại bất đồng nên gọi là chủng. Cái hữu của bốn chủng chẳng khác với không chủng, gọi đó là vào pháp môn Bất nhị. Sau đó nói không có ba mé, là vì không chủng không thuộc ba mé, vì bốn chủng tức “không chủng”, cho nên cũng không thuộc ba mé.

Bồ-tát Biện Ý nói: “Mắt và sắc là hai, nếu biết tánh mắt thì đối với sắc không tham, không sân, không si tức là tịch diệt, tai với âm thanh, mũi với mùi hương, lưỡi với vị, thân với xúc và ý với pháp cũng là hai, nếu biết tánh của ý, thì đối với các pháp không tham không sân không si tức tịch diệt, an trụ trong đó gọi là vào pháp môn Bất nhị.”: Vì cho mắt và sắc là hai, cho nên khởi ba độc, như gặp màu sắc đẹp thì khởi tham, thấy sắc xấu thì khởi sân, thấy chẳng đẹp chẳng xấu thì si khởi vô minh. Nếu biết bản tánh không thì chẳng khởi ba độc. Như bốn đại tạo thành mắt, thì không có một thể của mắt, đã không có một thể của mắt thì không thuộc bốn đại cho nên biết không có mắt thì lấy gì mà thấy sắc khởi ba độc? Cũng chẳng cần quán như thế. Vì sắc vô tự tánh thì không có sắc.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói rằng: “Bố thí và hồi hướng Nhất thiết trí là hai. Tánh của bố thí là tánh hồi hướng Nhất thiết trí. Như thế Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên định và Trí tuệ với hồi hướng Nhất thiết trí là hai. Tánh của trí tuệ là tánh hồi hướng Nhất thiết trí, nếu trong đó mà

vào một tướng tức là vào pháp môn Bất nhị.”: Bồ thí là nhân, Nhất thiết trí là quả, nghĩa là nhân với quả là hai, xoay nhân về quả, nhân quả đều không gọi là Bất nhị. Vả lại chuyển nhân làm quả gọi là Bất nhị. Như nơi tâm Bồ-tát gọi là Bất-nhã, nơi tâm Phật thì trở thành Tát-bà-nhã, cho nên không có hai thể riêng biệt, thì biết là Bất nhị.

Bồ-tát Thâm Tuệ nói: “Không, vô tướng, vô tác là hai; không tức vô tướng, vô tướng tức vô tác, nếu không vô tướng vô tác thì không có tâm, ý, thức. Nơi một môn mà giải thoát thì ba môn giải thoát, đó là vào pháp môn Bất nhị.”: Pháp hàng Tiểu thừa cho rằng ba không và mười sáu hạnh là khác thể. Nay căn cứ theo cảnh trí, thì ba môn đều là một thể. Nếu căn cứ theo cảnh mà luận về Bất nhị, thì chỉ một thật tướng nhưng tùy nghĩa phân biệt thành ba, không có ba thể riêng biệt, cho nên nói Bất nhị. Căn cứ theo quán thì chỉ một chánh quán mà phân làm ba, vì chấp trước cho nên có ba, mà thật không có ba thể. Cũng không có tâm, ý, thức nghĩa là trước đã nói bật các duyên, nay nói dứt các quán.

Bồ-tát Tịch Căn nói: “Phật, pháp, tăng là hai, Phật tức pháp, pháp tức tăng. Tam bảo này đều là tướng vô vi đồng với hư không. Tất cả pháp cũng như thế, nếu có thể tùy thuận hạnh này tức là vào pháp môn Bất nhị.”: Đây là nói về nghĩa nhất thể Tam bảo cho nên Bất nhị. Nhưng căn cứ vào ba nơi mà luận về nhất thể Tam bảo, như chỉ một quả Phật đầy đủ Tam bảo, tức nghĩa giác là Phật, đáng làm quy tắc gọi là pháp, nghĩa hòa hợp gọi là tăng, ở đây chung cho cả Đại thừa Tiểu thừa và Số luận. Hai, Tam bảo đều là không, cũng cho Đại thừa Tiểu thừa nhưng Tỳ-đàm thì không có. Ba, nhất thể Tam bảo chỉ có ở Đại thừa.

Hỏi: Thế nào là nhất thể?

Đáp: Văn kinh Niết-bàn khác nhau, nhưng nếu căn cứ theo nghĩa Niết-bàn thì Tam bảo đều lấy Niết-bàn làm thể. Vì thế kinh ghi: “Bồ-tát nên tư duy thế nào là ba việc này cùng với ngã là một thể. Phật tự giải thích rằng: “Ta nói ba việc tức đại Niết-bàn, cho nên gọi là một thể.” Nếu căn cứ theo Phật tánh để nói về Tam bảo, thì Tam bảo đồng lấy Phật tánh làm thể, vì thế kinh ghi: “Tam quy như thế tức đồng với tánh ngã.” Nếu căn cứ theo chân đế để luận về Tam bảo, thì Tam bảo đồng lấy chân đế làm thể, vì thế kinh ghi: “Nếu có thể quán Tam bảo thường trụ đồng chân đế.” Nếu căn cứ theo nghĩa thường để luận về Tam bảo, thì Tam bảo cùng lấy thường làm thể, kinh ghi: “Ta cũng chẳng nói Phật, pháp và chúng tăng, không có sai biệt, chỉ nói thường trụ sai biệt.” Trên đều là tùy nghĩa mà giải thích, không mâu thuẫn nhau. Nay văn kinh này nói Tam bảo không có thể khác nhau, chính là

căn cứ theo đồng nhất vô vi, nên nói Bất nhị.

Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói rằng: “Thân và thân diệt là hai, thân tức thân diệt. Vì sao? Vì thấy thật tướng của thân, thì chẳng khởi cái thấy có thân và thân diệt. Thân và thân diệt Bất nhị, không khác, ở trong đó chẳng kinh chẳng sợ tức là vào pháp môn Bất nhị.”: Phá hai nghĩa Niết-bàn hữu dư vô dư của Tiểu thừa. Thân tức là thân năm ấm, thân diệt tức Niết-bàn. Thân vốn chẳng sinh, thì nay nào có diệt? Chẳng sinh chẳng diệt nên gọi là Bất nhị. Chẳng kinh chẳng sợ nghĩa là hàng Tiểu thừa mới nghe gọi là kinh, khiếp nhận lý nên gọi là sợ. Khi các pháp sinh thì nó không sinh, khi các pháp diệt thì nó không diệt, thân còn thân mất gì cũng đâu có khác, mà có kinh có sợ trong ấy?

Bồ-tát Thượng Thiện nói: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp là hai. Ba nghiệp này đều là tướng vô tác. Tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của miệng, tướng vô tác của miệng tức tướng vô tác của ý, tướng vô tác của ba nghiệp này tức là tướng vô tác của tất cả pháp. Nếu có thể tùy thuận tuệ vô tác như thế, tức là vào pháp môn Bất nhị.”: Hoặc có thể cho rằng ba nghiệp mỗi mỗi đều có tạo tác, nên gọi là khác nhau, nhưng ba nghiệp vốn không, đồng với tướng vô tác nên gọi là Bất nhị.

Bồ-tát Phước Điền nói rằng: “Phước hạnh, tội hạnh và bất động hạnh là hai. Ba hạnh này thật tánh tức không, không thì không có phước hạnh, tội hạnh và bất động hạnh. Chẳng khởi ba hạnh này tức là vào pháp môn Bất nhị.”: Kinh Đại phẩm ghi: “Hành mười điều bất thiện chiêu cảm quả báo ba đường là tội hạnh, hành mười điều thiện thì cảm sinh làm trời người ở cõi Dục gọi là phước hạnh, tu bốn thiền... thì cảm sinh vào cõi Sắc hoặc Vô sắc gọi là bất động hạnh.” Luận Thành Thật ghi: “Từ cõi Dục đến đệ tam thiền gọi là phước hạnh, từ đệ tứ thiền đến vô sắc là bất động hạnh, vì đệ tứ thiền trở lên không còn bị tam tai khuynh động, cho nên gọi là bất động. Chẳng khởi ba hạnh thì nhập vào vô tướng, gọi là Bất nhị.”

Bồ-tát Hoa Nghiêm nói: “Từ ngã mà sinh khởi ra hai là hai. Như thấy thật tướng của ngã thì chẳng khởi ra hai pháp. Nếu chẳng trụ hai pháp thì không có thức, không có thức tức vào pháp môn Bất nhị.”: Nhận nơi ngã (ta) mà có bỉ (người). Hai danh từ này do đó mà sinh, nếu thấy thật tướng của ngã, thì thức của bỉ ngã không do đâu mà khởi.

Bồ-tát Đức Tạng nói: “Có tướng sở đắc là hai, nếu không có sở đắc thì không thủ xả, không thủ xả tức là vào pháp môn Bất nhị.”: Bên trong chấp có ngã, bên ngoài kẹt nơi tướng, cho nên gọi là hai, nếu



trong ngoài đều không thì gọi là Bất nhị.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói: “Tối và sáng là hai, không sáng không tối, thì không có hai, vì sao? Vì như khi nhập định diệt thọ tướng thì không còn tối không có sáng. Tất cả pháp tướng cũng như thế, nếu bình đẳng vào nơi đó, tức là vào pháp môn Bất nhị (Bất nhị).”: Hàng Nhị thừa nhập diệt tận định thì thấy nghe bên ngoài đều dứt bật, thức tri bên trong cũng diệt, tuy trải qua ngày đêm, mà không biết sáng tối. Đó là dụ cho việc Bồ-tát vô tâm nơi sáng tối.

Hỏi: Khi nhập diệt tận định thì các tâm đều không còn, vì sao chỉ nói là diệt thọ tướng?

Đáp: Thọ thì tu các thiền, tướng thì sinh ở vô sắc, nhập diệt tận định thì chính đã diệt các tâm hai cõi tiên, cho nên chỉ nói thọ và tướng. Vả lại thọ nhiều thì sinh ái, tướng nhiều thì sinh kiến, đã vượt qua căn bản, cho nên chỉ nêu thọ và tướng.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói: “Thích Niết-bàn và không thích Niết-bàn là hai. Nếu chẳng thích Niết-bàn, chẳng chán thế gian thì không có hai. Vì sao? Nếu có trói buộc thì có giải thoát, đã vốn không trói buộc thì đâu cần giải thoát. Không buộc không thoát thì không có thích chán, đó là vào pháp môn Bất nhị.”: Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Sinh tử chẳng tạp loạn, vì sao lại phải chán? Niết-bàn chẳng vắng lặng, vì sao lại phải thích.”

Bồ-tát Thù Đánh Vương nói: “Chánh đạo tà đạo là hai. Trụ ở chánh đạo thì không phân biệt được tà chánh, xa lìa hai bên này là vào pháp môn Bất nhị.”: Tám tà là tà đạo, tám chánh là chánh đạo. Tiểu thừa thấy là tà đạo, Đại thừa chân thật quán là chánh đạo. Nếu trụ ở chánh kiến thì chẳng thấy tà, cũng chẳng thấy chánh, chẳng tà chẳng chánh, mới được gọi là chánh. Nếu trụ ở tà đạo thì thấy ngoài tà lại có chánh, ngoài chánh có tà, là tà là chánh thì đều gọi là tà.

Bồ-tát Nhạo Thật nói rằng: “Thật và chẳng thật là hai. Thật còn chẳng thấy hưởng gì chẳng thật. Vì sao? Vì chẳng phải mắt thịt có thể thấy, mà mắt tuệ mới có thể thấy được, mắt tuệ này không thấy mà không gì không thấy, đó là vào pháp môn Bất nhị.”: Thật tướng là thật, hư vọng là chẳng thật. Ngộ thật tướng thì chẳng thấy thật, hà hưởng chẳng thật? Sở kiến đã chẳng thật, chẳng phải chẳng thật thì năng kiến cũng chẳng thấy chẳng phải chẳng thấy. Chẳng thật chẳng phải chẳng thật nhưng mượn ngôn từ cho là thật, chẳng thấy chẳng phải chẳng thấy, mà gượng cho là thấy, đó là duyên quán rõ ràng mà cảnh trí đều vắng lặng.

Như thế các vị Bồ-tát đều nói xong rồi lại hỏi ngài Văn-thù rằng: “Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn Bất nhị?”

Ngài Văn-thù đáp rằng: “Theo như ý của tôi nếu đối với tất cả pháp mà không nói không năng, không chỉ bày, không biết, xa lìa sự hỏi đáp mới là vào pháp môn Bất nhị.”: Đây là phần thứ hai, các vị Bồ-tát thỉnh ngài Văn-thù nói, gồm hai, là trước hỏi sau đáp. Kinh có ba câu:

1. Hai đế đều thuyết.
2. Hai đế đều chẳng thuyết.
3. Thế đế thuyết, chân đế chẳng thuyết.

Nay căn cứ theo hai câu sau. Ba mươi một vị Bồ-tát nêu trên đều có sáu việc: Dùng miệng phát ra âm thanh là lời nói, dùng ngôn từ nói để hiển Bất nhị là thuyết, hiển lý Bất nhị để trình bày cho người trước mặt là chỉ bày, khiến người nghe giải ngộ là biết, ngài Tịnh Danh bảo nói ra là hỏi, các Bồ-tát trả lời lý Bất nhị là đáp. Đó đều dùng ngôn từ để phá pháp, chưa dứt được lời phá pháp. Ngài Văn-thù muốn dứt bặt cả lời dùng để dứt pháp, cho nên luận không có sáu việc đã nêu.

Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi Cư sĩ Duy-ma-cật rằng: “Chúng tôi đều đã nói rồi, còn theo nhân giả thế nào là Bồ-tát vào pháp môn Bất nhị.” Cư sĩ Duy-ma-cật im lặng không nói. Đây là phần thứ ba ngài Văn-thù mời ngài Tịnh Danh nói về Bất nhị. Trước hỏi sau đáp, ba lần tán thán. Các Bồ-tát dùng ngôn từ để dứt pháp, ngài Văn-thù mượn ngôn từ để bặt lời, ngài Tịnh Danh im lặng để bặt cả lời mượn của ngài Văn-thù. Lý Bất nhị thì đồng mà chỗ đạt được có sâu cạn khác nhau.

Ngài Văn-thù-sư-lợi khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Cho đến không có ngôn ngữ văn tự, đó mới thật là vào pháp môn Bất nhị.”: Đây là đoạn thứ ba, ngài Văn-thù tán thán. Ngài Tịnh Danh đã im lặng chỉ bày, thì ngài Văn-thù cũng nên im lặng lãnh thọ, nhưng vì muốn cho đại chúng lúc bấy giờ đạt ngộ cho nên mới thốt lên lời khen ngợi. Vả lại hiển thị vô ngôn mà không tổn thương đến lời, nên dùng ngôn từ tán thán vô ngôn.

Khi thuyết phẩm Vào Pháp Môn Bất nhị này thì trong chúng hội có năm ngàn Bồ-tát đều vào pháp môn Bất nhị đạt được Vô sinh pháp nhẫn.”: Đây là phần hai nói về năm ngàn Bồ-tát đã vào pháp môn Bất nhị.

